

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 429/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 08 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Xây dựng hạ tầng khu dân cư thôn Kim Ngọc 1, xã Liên Giang, huyện Đông Hưng”

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 465/STNMT-QLMT ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng hạ tầng khu dân cư thôn Kim Ngọc 1, xã Liên Giang, huyện Đông Hưng”;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 160/TTr-STNMT ngày 25 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xây dựng hạ tầng khu dân cư thôn Kim Ngọc 1, xã Liên Giang, huyện Đông Hưng” do Ủy ban nhân dân xã Liên Giang làm chủ dự án, thực hiện tại xã Liên Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Ủy ban nhân dân xã Liên Giang có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP



ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đông Hưng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Liên Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Đn*

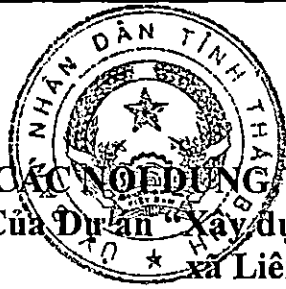
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT



Lại Văn Hoàn





CÁC NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Của Dự án "Xây dựng hạ tầng khu dân cư thôn Kim Ngọc 1,
xã Liên Giang, huyện Đông Hưng"

(Kèm theo Quyết định số ~~429~~ /QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Xây dựng hạ tầng khu dân cư thôn Kim Ngọc 1, xã Liên Giang, huyện Đông Hưng.

- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Liên Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

- Chủ dự án: Ủy ban nhân dân xã Liên Giang.

Địa chỉ: Xã Liên Giang, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

Đầu tư xây dựng hạ tầng khu dân cư thôn Kim Ngọc 1, xã Liên Giang, huyện Đông Hưng với diện tích khu đất thực hiện dự án là 21.618,8 m², bao gồm:

- Đất xây dựng nhà ở 10.466,5 m² (trong đó: Đất xây dựng nhà ở liên kế 9.501,5 m²; đất xây dựng nhà ở biệt thự 965 m²).

- Đất công trình công cộng 347,3 m².

- Đất cây xanh sử dụng công cộng 648,9 m².

- Đất hạ tầng kỹ thuật 10.156,1 m² (trong đó: Đất giao thông 9.333,6 m²; đất hạ tầng kỹ thuật khác 822,5 m²).

Dự án khi đi vào sử dụng đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho khoảng 400 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- San nền khu đất thực hiện dự án.

- Đầu tư xây dựng các tuyến đường giao thông:

+ Đường huyện ĐH.45B: Lộ giới 29,0 m gồm lòng đường 9,0 m; lưu không đường mỗi bên 10,0m (10,0+9,0+10,0).

+ Đường quy hoạch 01: Lộ giới 8,4-16,7 m gồm lòng đường 5,5 m, vỉa hè bên dân cư quy hoạch 2 m, vỉa hè bên khu dân cư hiện có từ 0,9-9,2 m.

+ Đường quy hoạch 02: Lộ giới 13,0 m gồm lòng đường 7,0 m; vỉa hè mỗi bên 3,0 m (3,0+7,0+3,0).

+ Đường quy hoạch 03: Lộ giới 9,5 m gồm lòng đường 5,5 m, vỉa hè mỗi bên 2,0 m (2,0+5,5+2,0).

+ Đường quy hoạch 04: Lộ giới 5,5-9,2 m gồm lòng đường 3,5-7,2 m, vỉa hè bên khu cây xanh 2,0 m ((3,5-7,2)+2,0).

+ Đường quy hoạch 05: Lộ giới 9,5 m gồm lòng đường 5,5 m, vỉa hè mỗi bên 2,0 m (2,0+5,5+2,0).

+ Đường quy hoạch 06: Lộ giới 9,5 m gồm lòng đường 5,5 m, vỉa hè hai bên mỗi bên 2,0 m (2,0+5,5+2,0).

- Hạng mục công trình phụ trợ: Hệ thống cấp nước; hệ thống cấp điện, điện chiếu sáng.

- Hạng mục công trình bảo vệ môi trường: Hệ thống thoát nước mưa; hệ thống thoát nước thải; hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày đêm; hệ thống cây xanh.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Bụi, khí thải từ san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải; nước thải sinh hoạt của công nhân, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn qua công trường thi công; phế thải từ phá dỡ công trình trên đất, thực vật từ quá trình phát quang mặt bằng, đất thải từ quá trình bóc tách lớp hữu cơ, chất thải rắn sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại từ máy móc, thiết bị phục vụ thi công; tiếng ồn, độ rung do hoạt động thi công.

- Trong giai đoạn vận hành: Bụi và khí thải từ các phương tiện giao thông của người dân, mùi từ hệ thống thu gom, xử lý nước thải; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn thông thường; chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

- Nước thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Nước thải từ quá trình thi công xây dựng... khoảng 1,0 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS, COD; nước thải sinh hoạt khoảng 1,8 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng, Nitrat, Phosphat, Amoni, Dầu mỡ động thực vật, Tổng Coliform.

+ Giai đoạn vận hành: Nước thải sinh hoạt khoảng 40 m³/ngày đêm, thông số ô nhiễm đặc trưng: BOD₅, COD, Tổng chất rắn lơ lửng, Nitrat, Phosphat, Amoni, Dầu mỡ động thực vật, Tổng Coliform.

- Bụi, khí thải:

+ Giai đoạn xây dựng: Bụi, khí thải từ san lấp mặt bằng, thi công, vận chuyển vật liệu, chất thải.

+ Giai đoạn vận hành: Bụi, khí thải của các phương tiện giao thông đi lại trong khu vực, mùi hôi phát sinh từ khu xử lý nước thải tập trung.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 12 kg/ngày đêm.

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 320 kg/ngày đêm, rác thải công cộng khoảng 32 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải xây dựng khoảng 31 tấn; thực vật thải từ quá trình phát quang mặt bằng 1,3 tấn; đất thải từ hoạt động bóc tách lớp hữu cơ bề mặt khoảng 3.269 tấn.

+ Giai đoạn vận hành: Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 0,5 tấn/năm.

- Chất thải nguy hại:

+ Giai đoạn xây dựng: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 135 kg trong cả giai đoạn xây dựng, bao gồm: Dầu thải; đầu mẩu que hàn thải; giẻ lau, găng tay dính dầu mỡ; vỏ thùng có dính nhựa đường; sơn thải, bao bì chứa sơn, chổi lăn sơn,...

+ Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 83 kg/năm, bao gồm: Dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu mỡ từ quá trình bảo trì bảo dưỡng các thiết bị kỹ thuật của dự án; bóng đèn huỳnh quang thải, ắc quy thải, pin thải, thiết bị điện tử thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

+ Giai đoạn xây dựng: Từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công trên công trường, phương tiện vận chuyển.

+ Giai đoạn vận hành: Từ máy móc khu xử lý nước thải, hoạt động của phương tiện giao thông, sinh hoạt của người dân.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.1.1. Đối với nước thải:

- Giai đoạn xây dựng: Nước thải từ quá trình thi công xây dựng được thu gom bằng rãnh thoát nước về 04 hố ga lắng cặn, thể tích khoảng $2,1 \text{ m}^3$, tái sử dụng để dập bụi, không thải ra môi trường; nước thải sinh hoạt sử dụng 02 nhà vệ sinh di động để thu gom và lưu chứa chất thải phát sinh, định kỳ thuê đơn vị có đủ năng lực thu gom và xử lý theo quy định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Hệ thống thoát nước mưa: Được thu gom vào hệ thống rãnh thoát nước chạy theo các tuyến đường giao thông sau đó thoát ra hệ thống rãnh thoát nước hiện có trước khi thoát ra mương hiện có phía Tây Bắc dự án. Tọa độ điểm xả nước mưa như sau: X(m): 2277365; Y(m): 586414 (Theo hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$; múi chiếu 3°).

+ Hệ thống thu gom, xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn được dẫn vào cống HDPE D300 đưa về trạm xử lý nước thải tập trung công suất $50\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A giá trị C_{\max} (áp dụng hệ số $K = 1$ do khu dân cư có trên 50 hộ dân) thoát ra kênh tiêu phía Tây Bắc dự án. Tọa độ điểm xả nước thải: X(m): 2277372; Y(m): 586411. (Theo hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$; múi chiếu 3°)

Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aeroten → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải:

- Giai đoạn xây dựng: Quây rào bằng tôn che chắn xung quanh khu vực xây dựng gần khu dân cư hiện có, phun tưới ẩm tại các khu vực thi công, lên kế hoạch vận chuyển nguyên vật liệu, thi công hợp lý, che phủ thùng xe trong quá trình vận chuyển, bố trí lịch trình vận chuyển phù hợp, dọn vệ sinh, che phủ các vị trí tập kết nguyên liệu, sử dụng xe vận tải được kiểm định.

- Giai đoạn vận hành:

+ Trồng cây xanh trong khuôn viên, xung quanh các công trình và dọc theo các tuyến đường giao thông.

+ Tăng cường biện pháp vệ sinh hàng ngày mặt bằng sân bãi và các tuyến đường chính, đường nội bộ.

+ Đối với mùi tại khu vực xử lý nước thải: Lắp đặt thiết bị xử lý mùi công suất 500 m³/h.

Quy trình xử lý:

Khí thải từ các bể xử lý nước thải → Quạt hút → Hấp thụ bằng hóa chất NaOH → Tách nước bằng đệm polyme → Hấp phụ bằng than hoạt tính → Môi trường.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Giai đoạn xây dựng:

+ Chất thải sinh hoạt thu gom, hợp đồng với đội vệ sinh môi trường địa phương thu gom, xử lý theo quy định.

+ Chất thải xây dựng: Thu gom, phân loại bán tái chế đối với chất thải có thể tái chế; chất thải không thể tái chế đổ thải tại địa điểm thỏa thuận theo quy định; đất thải từ quá trình bóc tách tầng đất mặt: Tận dụng để trồng cây xanh thuộc dự án, phần còn lại được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng để phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải rắn sinh hoạt khu vực dân cư được thu gom, phân loại và chứa trong thùng đựng rác gia đình, được đội vệ sinh môi trường của xã thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; đối với rác thải công cộng, đội vệ sinh môi trường của xã tiến hành thu gom, vận chuyển để xử lý; bùn thải từ trạm xử lý nước thải hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý với đơn vị có đủ năng lực theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Giai đoạn xây dựng: Thực hiện thu gom, lưu giữ, xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giai đoạn vận hành: Chất thải nguy hại phát sinh được thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Giai đoạn xây dựng: Sử dụng máy móc thi công bảo đảm về tiếng ồn, thường xuyên bảo dưỡng máy móc, phương tiện thi công; xây dựng kế hoạch thi công phù hợp, hạn chế thi công các hạng mục phát sinh tiếng ồn, độ rung vào

buổi trưa, buổi tối, hạn chế số lượng thiết bị thi công đồng thời, bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng; đối với các thiết bị có độ ồn lớn, các thiết bị gây rung sẽ được lắp đặt trên đệm cao su và lò xo chống rung.

- Giai đoạn vận hành: Trồng cây xanh xung quanh dự án và xung quanh khu xử lý nước thải.

Quy chuẩn áp dụng: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư:

5.1. Giai đoạn xây dựng:

- Giám sát môi trường không khí xung quanh:

+ Vị trí giám sát: 02 điểm tại điểm đầu và điểm cuối hướng gió.

+ Thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂, tiếng ồn, độ rung.

+ Tần suất giám sát: Khi có kiến nghị của người dân.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Giám sát về chủng loại, khối lượng, tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý.

5.2. Giai đoạn vận hành:

- Thực hiện quản lý, giám sát vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A giá trị C_{max} , hệ số $K = 1,0$ (khu dân cư từ 50 căn hộ trở lên).

- Thực hiện quản lý, giám sát vận hành hệ thống xử lý khí thải đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT cột B giá trị C_{max} , hệ số $K_p = 1$, $K_v = 1,2$; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT.

- Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại về chủng loại, khối lượng, tần suất thu gom, vận chuyển, xử lý.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:

Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường để được Cấp Giấy phép môi trường trước vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định./.